

Bản án số: 65/2018/DS-ST
Ngày 14 tháng 12 năm 2018
V/V: "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Trần Đình Tư;

2, Bà Nguyễn Thị Biên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Đĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263A/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

+ **Bị đơn:** Anh Vũ Trí Đ, sinh năm 1979

Địa chỉ: Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Do mối quan hệ quen biết, ngày 13/12/2016 chị có cho anh Vũ Trí Đ vay số tiền 40.000.000 đồng, khi vay anh Đ có viết giấy vay tiền, hai bên không thảo luận lãi suất, anh Đ có hẹn đến ngày 13/02/2017 thì trả. Hết thời hạn trả chị có đòi anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ chưa trả. Nay chị yêu cầu anh Đ trả cho chị số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này từ ngày 14/02/2017 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Tại bản tự khai anh Vũ Trí Đ trình bày: Anh và chị H có quen biết với nhau, cuối năm 2016 anh có dẫn anh K đến vay của chị H số tiền 40.000.000 đồng. Do anh K không trả tiền cho chị H, chị H có khởi kiện anh K tại Tòa án L.

Số tiền này là do anh K vay của chị H. Nay chị H khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên anh không đồng ý.

+ Tại biên bản làm việc ngày 15/10/2018, anh Nguyễn Văn K có trình bày: Anh có vay của chị H 40.000.000 đồng, khi vay anh Đ đi cùng. Giấy vay tiền chỉ một mình anh ký, việc của anh đã được Tòa án huyện L giải quyết xong. Còn đối với giấy vay tiền anh Đ ký vay chị H 40.000.000 đồng anh không biết.

+ Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được.

+ Ngày 20/11/2018, Tòa án mở phiên tòa, nhưng anh Đ vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

+ Ngày 29/11/2018, Tòa án mở phiên tòa, nhưng anh Đ vắng mặt và chị H đề nghị hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

+ Tại phiên tòa hôm nay anh Đ tiếp tục vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H buộc anh Đ phải trả cho chị H số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay kể từ ngày 14/02/2017; anh Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Trí Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Vũ Trí Đ là phù hợp với quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Theo như giấy vay tiền ngày 13/12/2016 thể hiện anh Đ có vay của chị H số tiền 40.000.000 đồng, hẹn đến ngày 13/02/2017 sẽ hoàn trả. Chị H có đòi nhiều lần nhưng anh Đ không trả. Ngày 10/8/2018, chị H nộp đơn khởi kiện ra Tòa án. Đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu anh Đ trả số tiền gốc vay là 40.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 13/12/2016 thì thấy: Ngày 13/12/2016 anh Đ có viết giấy vay của chị H số tiền 40.000.000 đồng, nội dung giấy vay tiền như sau: “*Tên tôi là:*

Vũ Trí Đ, Sn 1979. Hôm nay ngày 13/12/2016 tôi có vay của Cương Hạnh số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu) Hẹn đến ngày 13/2/2017 sẽ hoàn trả”. Qua nội dung giấy vay tiền trên và trình bày của nguyên đơn có căn cứ xác định anh Đ vay của chị H số tiền 40.000.000 đồng. Còn anh Đ cho rằng số tiền trên là anh K vay, anh có ký vào sổ vay tiền của chị H với tư cách là người bảo lãnh, nhưng anh Đ không có tài liệu gì chứng minh. Tòa án có làm việc với anh K thì anh K thừa nhận có vay tiền của chị H, giấy vay tiền chỉ có một mình anh ký, anh K không biết việc anh Đ ký giấy vay tiền của chị H với số tiền 40.000.000 đồng. Do vậy, ý kiến của anh Đ cho rằng không vay tiền của chị H là không có căn cứ. Anh Đ chưa trả được cho chị H số tiền trên, nay chị H yêu cầu anh Đ phải trả số tiền 40.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 13/12/2016. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466, Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi thì thấy: Nội dung giấy vay tiền ngày 13/12/2016, các bên không thỏa thuận lãi suất. Nay chị H đề nghị tính lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp với qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự quy định: “Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thảo thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Do vậy lãi suất được áp dụng là 10%/năm, từ ngày 14/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/12/2018 là 01 năm 9 tháng 29 ngày.

Vậy số tiền lãi được tính là $(40.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 01 \text{ năm}) + (40.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 9 \text{ tháng}) + (40.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\% \times 01 \text{ ngày}) = 7.301.200 \text{ đồng}$.

[4.3] Về án phí: Yêu cầu của chị H được chấp nhận, do vậy anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Buộc anh Vũ Trí Đ phải trả cho chị Lê Thị H số tiền 47.301.200 đồng (Bốn mươi bảy triệu ba trăm linh một nghìn hai trăm đồng), trong đó tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 7.301.200 đồng theo giấy vay tiền ngày 13/12/2016.

2.2. Về án phí: Anh Vũ Trí Đ phải chịu 2.365.060 đồng án phí DSST. Hoàn trả chị Lê Thị H số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/06957, ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

2.3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo